

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**

*Báo cáo của Hội đồng Thành viên*

*Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Thành viên	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 1. Hội đồng Thành viên

Các thành viên Hội đồng Thành viên Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Quốc Phong	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tốt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/12/2014)

### 2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoài Nam	Giám đốc
Ông Huỳnh Thái Duy Phúc	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/12/2014)
Ông Nguyễn Minh Điền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/02/2015)
Bà Lý Thị Ngọc Hoa	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/02/2015)

### 3. Các hoạt động chính

- Hoạt động công ích: thu gom vận chuyển rác, vệ sinh môi trường, quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp Quận quản lý. Xây dựng, sửa chữa công trình hạ tầng đô thị.
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp. Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông: duy tu, bảo dưỡng hệ thống cầu đường theo phân cấp. Quản lý công viên cây xanh. Quản lý hệ thống thoát nước và chiếu sáng. Xử lý chất thải và các chất gây ô nhiễm trên và ven kênh, sông. Khai thác, lọc và phân phối nước phục vụ sinh hoạt. Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

### 4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 27.

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng thành viên Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.



# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 9. Phê duyệt của Hội đồng Thành viên

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Thành viên



Đỗ Quốc Phong

Chủ tịch

Ngày 28 tháng 01 năm 2016



Số: 297/DFK-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8 (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Vào ngày 31/12/2015, chúng tôi không được tham dự nhằm chứng kiến việc tiến hành kiểm kê thực tế quỹ tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Quý Công ty. Với những tài liệu hiện có tại Quý Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được sự chính xác, hiện hữu và đầy đủ của các tài sản này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.
- Tại mục 14 – trang 19 – Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng chi phí lương phát sinh năm 2014 và 2015 lần lượt là 63.338.384.871 đồng và 71.320.487.135 đồng. Chi phí này được Công ty tạm tính dựa trên sản lượng dịch vụ hoàn thành và đơn giá kế hoạch. Chi phí lương này sẽ được duyệt bởi Sở Lao động Thương binh – Xã hội thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp khi quyết toán.
- Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2015 là 113.887.135.733 đồng. Trong đó, đã bao gồm doanh thu cấp bổ sung năm 2013 và 2014 lần lượt là 3.884.998.391 và 1.789.036.975 đồng.

- Tính đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập một cách đầy đủ các chứng cứ hiện hữu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn (mục số 02(\*) trang 14 - Thuyết minh báo cáo tài chính), khoản trả trước cho người bán (mục số 3(\*) trang 14 - Thuyết minh báo cáo tài chính), khoản phải thu khác (mục số 4(\*\*\*) trang 15 - Thuyết minh báo cáo tài chính), khoản phải trả người bán (mục số 11(\*) trang 18 - Thuyết minh báo cáo tài chính), khoản người mua trả tiền trước (mục số 12(\*\*) trang 19 - Thuyết minh báo cáo tài chính) và các khoản phải trả khác (mục số 15(\*\*\*) trang 21 - Thuyết minh báo cáo tài chính), do thu đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm chưa được phản hồi đầy đủ.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

**P. GIÁM ĐỐC**



**HỒ ĐẮC HIẾU**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

A blue ink handwritten signature.



**PHẠM ĐỖ ĐỨC PHONG**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3191-2015-042-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>249.531.629.002</b>	<b>206.258.249.254</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>31.754.019.569</b>	<b>8.086.100.080</b>
1. Tiền	111		31.754.019.569	8.086.100.080
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>190.747.874.910</b>	<b>171.748.881.653</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	7.381.069.120	7.292.759.610
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	84.947.343.693	70.345.418.587
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04*	101.120.736.141	96.811.977.500
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(2.701.274.044)	(2.701.274.044)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.06	<b>26.834.413.980</b>	<b>25.814.998.008</b>
1. Hàng tồn kho	141		26.834.413.980	25.814.998.008
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>195.320.543</b>	<b>608.269.513</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	494.617.585
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	195.320.543	113.651.928
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>511.191.298.649</b>	<b>457.654.643.900</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>1.392.559.234</b>	<b>811.934.447</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04*	1.392.559.234	811.934.447
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>31.497.501.559</b>	<b>32.260.112.429</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	31.497.501.559	32.260.112.429
- Nguyên giá	222		64.608.683.606	62.462.784.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.111.182.047)	(30.202.672.454)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>	V.08	<b>50.240.117.051</b>	<b>6.936.753.065</b>
1. Nguyên giá	231		59.736.647.920	15.962.020.208
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.496.530.869)	(9.025.267.143)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>428.061.120.805</b>	<b>417.645.843.959</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.09	427.435.471.771	415.978.773.464
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	625.649.034	1.667.070.495
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>760.722.927.651</b>	<b>663.912.893.154</b>



CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>667.551.243.382</b>	<b>602.416.210.492</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>248.201.013.477</b>	<b>182.465.886.843</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	698.876.308	252.316.499
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	102.056.149.934	49.583.242.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	7.113.588.880	3.222.330.897
4. Phải trả người lao động	314	V.14	33.179.597.759	21.915.023.810
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	748.782.997	5.151.270.803
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.229.860.304	9.433.935.267
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15*	13.572.185.692	14.642.173.434
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17*	73.980.245.674	76.040.729.603
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	13.621.725.929	2.224.864.168
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>419.350.229.905</b>	<b>419.950.323.649</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15**	416.548.234.289	417.929.409.637
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17**	1.746.982.471	616.000.000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	1.055.013.145	1.404.914.012
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>93.171.684.269</b>	<b>61.496.682.662</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>34.767.371.145</b>	<b>47.216.654.993</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.982.000.000	22.370.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.785.371.145	7.328.087.657
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	17.518.567.336
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	17.518.567.336
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	V.21	<b>58.404.313.124</b>	<b>14.280.027.669</b>
1. Nguồn kinh phí	431		8.290.646.001	7.257.884.023
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		50.113.667.123	7.022.143.646
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>760.722.927.651</b>	<b>663.912.893.154</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Tô Thanh Thương  
Người lập biểu



Biện Hữu Phúc  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Hoài Nam  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 01 năm 2016



CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		136.019.763.250	132.841.262.006
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3.463.367.785	2.863.125.616
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	132.556.395.465	129.978.136.390
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	105.371.229.341	106.383.482.248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.185.166.124	23.594.654.142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	60.554.132	85.102.898
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.359.708.375	4.108.770.770
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.359.708.375	4.108.770.770
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	16.911.246.829	14.787.609.586
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.974.765.052	4.783.376.684
11. Thu nhập khác	31	VI.06	700.860.709	59.096.195
12. Chi phí khác	32	VI.07	664.560.709	195.895.594
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		36.300.000	(136.799.399)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.011.065.052	4.646.577.285
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.338.998.148	1.065.344.033
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.672.066.904	3.581.233.252

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Tô Thanh Thương  
Người lập biểu



Biện Hữu Phúc  
Kế toán trưởng




Nguyễn Hoài Nam  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.011.065.052</b>	<b>4.646.577.285</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.991.534.132	4.381.954.731
Các khoản dự phòng	03	-	109.726.200
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.135.761.196	(85.102.898)
Chi phí lãi vay	06	4.359.708.375	4.108.770.770
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.498.068.755</b>	<b>13.161.926.088</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(16.940.041.513)	6.769.360.998
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(12.476.114.279)	(13.860.735.531)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	83.038.131.661	(25.308.298)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.586.335.936)	(4.108.770.770)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.921.660.758)	(3.203.631.306)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.340.348.682
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(6.107.911.846)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>61.612.047.930</b>	<b>(6.034.721.983)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(47.687.181.115)	(10.923.689.814)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.554.132	85.102.898
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(47.626.626.983)</b>	<b>(10.838.586.916)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.612.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	98.932.772.065	92.668.523.031
Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.862.273.523)	(85.156.692.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.682.498.542</b>	<b>7.511.830.281</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>23.667.919.489</b>	<b>(9.361.478.618)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.086.100.080</b>	<b>17.447.578.698</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>31.754.019.569</b>	<b>8.086.100.080</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

  
Tô Thanh Thương  
Người lập biểu

  
Biện Hữu Phúc  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hoài Nam  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 01 năm 2016





# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Dịch vụ Công ích Quận 8 là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 103466 ngày 02/4/1998 và đăng ký lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 4106000242 ngày 29/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vào ngày 30/9/2010, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8 ("Công ty") theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0301426828 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 14/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Chủ sở hữu: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 32.982.000.000 đồng.

Trụ sở chính đặt tại: số 7 - 9 Đường 1107 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng - thương mại - dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động công ích: thu gom vận chuyển rác, vệ sinh môi trường, quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp Quận quản lý. Xây dựng, sửa chữa công trình hạ tầng đô thị;

- Hoạt động khác: bán lẻ xăng dầu, xây dựng dân dụng và công nghiệp, trò chơi giải trí, các trò chơi con thú điện tử, xe điện bình, đu quay, xe chạy trên đường ray, nhà banh phục vụ cho các công viên của Quận 8;

- Cơ khí ô tô: sửa chữa các phương tiện từ tiểu tu đến đại tu, đóng mới công cụ lao động phục vụ các ngành giao thông, công nghiệp và chuyên ngành vệ sinh;

- Cơ khí xây dựng: sản xuất nhà vệ sinh công cộng lắp ghép bằng vật liệu sắt, thép, composite;

- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp. Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông; duy tu, bảo dưỡng hệ thống cầu đường theo phân cấp. Quản lý công viên cây xanh. Quản lý hệ thống thoát nước và chiếu sáng. Xử lý chất thải và các chất gây ô nhiễm trên và ven kênh, sông. Kinh doanh nhà. Mua bán vật liệu xây dựng. Khai thác, lọc và phân phối nước phục vụ sinh hoạt. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh). Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Tư vấn đấu thầu. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Xây dựng công trình giao thông, công trình cấp thoát nước. Dịch vụ giữ xe các loại.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Hoạt động xây dựng công trình: trên 12 tháng

- Hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại: 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.



# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

**Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

**Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

2. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.





# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Đối với hàng tồn kho mua vào bằng ngoại tệ, phần giá mua phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho (trừ trường hợp có ứng trước tiền cho người bán thì giá trị hàng

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 30 năm
Máy móc thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm



# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và căn hộ chung cư thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Công ty theo phân cấp để quản lý, cho thuê (kể cả bán nhà theo Nghị định 61/CP ngày 05/7/1994 và bán cho các cán bộ thuộc diện tái định cư theo các quy định hiện hành).

Nguyên giá của bất động sản được xác định trên cơ sở đơn giá nhà và căn hộ chung cư do Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành. Hao mòn lũy kế được ghi nhận theo tỷ lệ ước tính của phòng Quản lý nhà.

Công ty chỉ theo dõi, quản lý và không trích khấu hao đối với các bất động sản nêu trên.

Tiền thực thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu của Nhà nước, sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào mục riêng của Ngân sách thành phố.

### 7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.



# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

### 17. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	358.841.702	402.638.971
Tiền gửi ngân hàng	31.395.177.867	7.683.461.109
<b>Cộng</b>	<b>31.754.019.569</b>	<b>8.086.100.080</b>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu Sở Tài nguyên và Môi trường Quận 8	4.626.576.869	1.254.396.600
- Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Bến Thành	365.754.000	365.754.000
- Phải thu các đối tượng khác	2.388.738.251	5.672.609.010
<b>Cộng</b>	<b>(*) 7.381.069.120</b>	<b>7.292.759.610</b>

(\*) Trong đó, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 2.638.662.885 đồng. Do Công ty đã gửi thư xác nhận nhưng chưa được phản hồi.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH TM - DV - XD Anh Thy	10.426.200.000	10.326.200.000
- Công ty CP Sông Đà 207	15.000.000.000	15.800.000.000
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	13.663.258.064	13.663.258.064
- Công ty CP Kỹ thuật XD & TM BRIGHT	22.788.284.450	16.688.284.450
- Công ty CP Phát triển BĐS Vạn Phúc Gia	8.700.000.000	-
- Trả trước cho các đối tượng khác	14.369.601.179	13.867.676.073
<b>Cộng</b>	<b>(*) 84.947.343.693</b>	<b>70.345.418.587</b>

(\*) Trong đó, các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 28.228.297.395 đồng. Do Công ty đã gửi thư xác nhận nhưng chưa được phản hồi.



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
(*) <b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Công ty CP Sông Đà - Thăng Long (khoản ứng vốn để thực hiện công trình Trương Đình Hội 2)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
(a) - Phải thu Công ty CP Sông Đà - Thăng Long (liên quan đến khoản chuyển nhượng phần vốn góp liên doanh và khoản ứng vốn đến Công ty Eo Biển Xanh)	12.015.428.608		12.015.428.608	
- Phải thu Ban quản lý dự án Trương Đình Hội 3 (khoản ứng vốn để thực hiện công trình Trương Đình Hội 3)	21.537.537.541		21.537.537.541	
- Khoản cho mượn đến tổ chức, không lãi suất	500.000.000		500.000.000	
(b) - Phải thu UBND Quận 8 liên quan đến chi phí đền bù thực hiện công trình nhà kho tại 1026 Phạm Thế Hiển, Quận 8 (công trình không thực hiện nữa)	1.529.458.320		1.529.458.320	
(c) - Tạm ứng cho nhân viên	14.615.412.921		10.309.754.976	
- Các khoản khác	922.898.751		919.798.055	
<b>Cộng</b> (***)	<b>101.120.736.141</b>	<b>-</b>	<b>96.811.977.500</b>	<b>-</b>

(**) <b>Dài hạn</b>	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Khoản ứng tiền cho Ban đền bù dự án Trương Đình Hội 2	1.392.559.234		811.934.447	
<b>Cộng</b> (***)	<b>1.392.559.234</b>	<b>-</b>	<b>811.934.447</b>	<b>-</b>

(a) Khoản tiền này sẽ được Công ty CP Sông Đà - Thăng Long trả bằng giá trị khối lượng sản phẩm xây lắp tại Dự án Khu dân cư Trương Đình Hội 2, phường 16, quận 8, Tp. HCM (hợp đồng hợp tác đầu tư số: 81/HĐHTĐT ký ngày 28/9/2010) theo biên bản ngày 25/10/2012.

(b) Khoản tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tài sản trên đất khi thu hồi nhà, đất số 1026 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8 theo công văn số 3796/UBND-ĐTMT ngày 09/8/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng điểm tập kết rác (chưa được UBND Quận 8 chấp thuận). Công ty đang chờ chỉ đạo từ cơ quan có thẩm quyền để xử lý khoản tiền này.

(c) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng cho các đội thi công công trình	13.951.299.708	9.383.455.177
- Tạm ứng cho nhân viên đi công tác, mua vật tư	571.058.900	739.499.799
- Các khoản tạm ứng khác	93.054.313	186.800.000
<b>Cộng</b>	<b>14.615.412.921</b>	<b>10.309.754.976</b>

(\*\*\*) Trong đó, các khoản phải thu khác ngắn hạn và dài hạn này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 86.505.323.220 đồng. Do Công ty đã gửi thư xác nhận nhưng chưa được phản hồi.

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
<b>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>						
	1.962.968.000		Công ty CP Xây dựng số 14	1.962.968.000		Công ty CP Xây dựng số 14
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	365.754.000		Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Bến Thành	365.754.000		Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Bến Thành
	372.552.044		Các đối tượng khác	372.552.044		Các đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>2.701.274.044</b>	<b>-</b>		<b>2.701.274.044</b>	<b>-</b>	

**b) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:**

Số dư đầu năm	(2.701.274.044)
Trích lập dự phòng	
Hoàn nhập dự phòng	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(2.701.274.044)</b>

6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	444.251.525	340.472.948
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(*) 26.390.162.455	25.474.525.060
<b>Cộng</b>	<b>26.834.413.980</b>	<b>25.814.998.008</b>

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình trường học Nam Sài Gòn, quận 7	17.763.661.252	17.125.970.229
- Công trình khu Công nghệ cao - Quận 9	841.973.201	841.973.201
- Công trình 207 Bến Bình Đông (đã hoàn thành, chờ quyết toán)	4.568.918.670	4.541.907.017
- Các công trình khác	3.215.609.332	2.964.674.613
	<b>26.390.162.455</b>	<b>25.474.525.060</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	31.862.929.152	3.209.168.054	27.197.435.153	193.252.524	62.462.784.883
Tăng	-	-	3.777.163.008	-	3.777.163.008
Giảm	-	1.631.264.285	-	-	1.631.264.285
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.862.929.152</b>	<b>1.577.903.769</b>	<b>30.974.598.161</b>	<b>193.252.524</b>	<b>64.608.683.606</b>



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	5.954.837.086	1.820.669.680	22.233.913.164	193.252.524	30.202.672.454
Khấu hao trong năm	1.186.640.532	390.452.016	2.454.355.330	-	4.031.447.878
Giảm	-	1.122.938.285	-	-	1.122.938.285
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.141.477.618</b>	<b>1.088.183.411</b>	<b>24.688.268.494</b>	<b>193.252.524</b>	<b>33.111.182.047</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	25.908.092.066	1.388.498.374	4.963.521.989	-	32.260.112.429
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>24.721.451.534</b>	<b>489.720.358</b>	<b>6.286.329.667</b>	<b>-</b>	<b>31.497.501.559</b>

- Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua mới, giảm do thanh lý.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 24.453.282.551 đồng.

**8. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà ở	Nhà sản xuất kinh doanh	Chung cư Bùi Minh Trực	Chung cư Lưu Hữu Phước	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.703.661.237	8.258.358.971	-	-	15.962.020.208
Tăng	110.651.000	879.504.000	38.099.054.568	5.862.230.000	44.951.439.568
Giảm	412.406.047	764.405.809	-	-	1.176.811.856
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.401.906.190</b>	<b>8.373.457.162</b>	<b>38.099.054.568</b>	<b>5.862.230.000</b>	<b>59.736.647.920</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.239.476.242	4.785.790.901	-	-	9.025.267.143
Tăng	80.582.254	879.504.000	-	-	960.086.254
Giảm	188.483.818	300.338.710	-	-	488.822.528
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.131.574.678</b>	<b>5.364.956.191</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.496.530.869</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.464.184.995	3.472.568.070	-	-	6.936.753.065
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.270.331.512</b>	<b>3.008.500.971</b>	<b>38.099.054.568</b>	<b>5.862.230.000</b>	<b>50.240.117.051</b>

**Nguyên giá bất động sản tăng:**

- Giá trị các căn hộ tại chung cư Chung cư Bùi Minh Trực (Lô A1,A2), Phường 5, Quận 8 do Công ty đang giữ hộ của UBND quận 8 để phục vụ cho công tác tái định cư theo quyết định 2473/QĐ-UBND ngày 26/5/2015. 38.099.054.568

- Giá trị các căn hộ tại chung cư Chung cư 42-343 Đường Lưu Hữu Phước Phường 15, Quận 8 do Công ty đang giữ hộ của UBND quận 8 để phục vụ cho công tác tái định cư theo quyết định 1657/QĐ-UBND ngày 10/4/2015. 5.862.230.000

- Nhà ở và nhà sản xuất kinh doanh được UBND quận 8 giao cho Công ty giữ hộ 990.155.000

**Cộng** **44.951.439.568**

**Nguyên giá bất động sản giảm:**

- Bán theo quyết định của Ủy ban Nhân dân quận 8 1.176.811.856

**Cộng** **1.176.811.856**



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) - Chi phí thực hiện dự án chung cư Trương Đình Hội 2	229.951.577.729	226.322.780.340
(b) - Chi phí thực hiện dự án chung cư Trương Đình Hội 3	83.968.793.403	79.397.934.346
(c) - Chi phí thực hiện dự án chung cư phường 5, quận 8	7.946.075.830	7.946.075.830
(a) - Chi phí thực hiện dự án chung cư An Sinh	102.270.092.718	99.182.510.899
- Chi phí thực hiện dự án chung cư Âu Đường Lân	1.482.352.466	1.344.614.390
- Công trình Phòng khám lao (đã hoàn thành chờ quyết toán)	1.816.579.625	1.784.857.659
<b>Cộng</b>	<b>427.435.471.771</b>	<b>415.978.773.464</b>

(a) Chủ yếu là chi phí đền bù giải tỏa mặt bằng.

(b) Trong đó, bao gồm khoản lãi phạt do hủy hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh phát sinh năm 2008 là 11.036.926.261 đồng và chi phí lãi vay vốn hóa là 5.261.646.676 đồng.

(c) Là công trình liên doanh với Công ty Cổ phần Địa Ốc 6. Công trình này đang tạm ngưng do bên liên doanh không tiếp tục thực hiện góp vốn. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Công ty Cổ phần Địa Ốc 6 vẫn chưa thống nhất việc thực hiện hay ngừng thực hiện dự án.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
(*)	<b>625.649.034</b>	<b>1.667.070.495</b>

(\*) Chi phí xây dựng công trình văn phòng Công ty chờ quyết toán.

11. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Đóng tàu An Phú	427.923.654	427.923.654	51.370.591	51.370.591
- Doanh nghiệp Tư nhân TMDV Hiệp An	112.881.001	112.881.001	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	158.071.653	158.071.653	200.945.908	200.945.908
<b>Cộng</b> (*)	<b>698.876.308</b>	<b>698.876.308</b>	<b>252.316.499</b>	<b>252.316.499</b>

(\*) Trong đó, các khoản phải trả người bán này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 466.693.347 đồng. Do Công ty đã gửi thư xác nhận nhưng chưa được phản hồi.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Phạm Tôn	9.000.000.000	-
- Khoản tiền nhận trước từ các hộ dân liên quan đến việc bán bất động sản (nền đất, chung cư tái định cư) (*)	86.254.098.932	38.361.198.391
- Khoản tiền nhận trước từ Ngân sách Nhà nước để sửa chữa, thi công các công trình	92.350.238	4.510.000.000
- Các khoản nhận ứng trước từ khách hàng khác liên quan đến việc sửa chữa, thi công các công trình từ khách hàng	6.709.700.764	6.712.043.971
<b>Cộng</b> (**)	<b>102.056.149.934</b>	<b>49.583.242.362</b>



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Trong đó, bao gồm khoản nhận trước tiên bán nên đất cho các hộ dân, Công ty chưa xuất hóa đơn là 46.216.137.299 đồng. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp và thuế TNDN tạm nộp với ngân sách Nhà nước với số tiền lần lượt là 4.621.613.730 đồng và 462.161.373 đồng.

(\*\*) Trong đó, các khoản người mua trả trước này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 70.777.938.685 đồng. Do Công ty đã gửi thư xác nhận nhưng chưa được phản hồi.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	-	9.289.926.947	3.164.849.123	6.125.077.824
- Thuế TNDN	1.762.638.486	1.338.998.148	2.502.581.228	599.055.406
- Thuế TNDN truy thu	580.920.470	-	580.920.470	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.183.200	269.846.301	269.846.301	4.183.200
- Các loại thuế khác	874.588.741	3.811.551.615	4.300.867.906	385.272.450
<b>Cộng</b>	<b>3.222.330.897</b>	<b>14.710.323.011</b>	<b>10.819.065.028</b>	<b>7.113.588.880</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế TNCN	(113.651.928)	(531.339.385)	(613.008.000)	(195.320.543)
<b>Cộng</b>	<b>(113.651.928)</b>	<b>(531.339.385)</b>	<b>(613.008.000)</b>	<b>(195.320.543)</b>

**14. Tình hình phải trả người lao động**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	21.915.023.810	12.385.551.025
Tăng do trích lập quỹ lương	71.320.487.135	63.338.384.871
Giảm do chi lương cán bộ công nhân viên	(60.055.913.186)	(53.808.912.086)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.179.597.759</b>	<b>21.915.023.810</b>

**15. Phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>(*) Ngắn hạn</b>		
- Các khoản nhận ký quỹ	207.000.000	107.000.000
- Phải trả cho các đội thi công (thuế GTGT tạm giữ lại)	2.708.048.317	2.708.048.317
- Lãi liên quan đến khoản bảo hành phải trả Công ty Him Lam từ việc mua chung cư tái định cư Him Lam	1.140.000.000	1.140.000.000
- Phải trả UBND Quận 8 về khoản lãi phải trả liên quan đến việc bán chung cư tái định cư	1.941.693.208	1.941.693.208
- Lãi phải trả cho các bên liên doanh	1.524.148.521	1.524.148.521
- Khoản tiền mượn không lãi suất	1.500.000.000	1.500.000.000
- Phải trả tiền cho thuê chung cư đến UBND quận 8	1.843.361.438	1.187.833.500
- Thu hộ tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất	1.366.251.500	1.366.251.500
- Phải trả các đội thi công công trình	1.051.833.832	2.883.321.615
- Các khoản phải trả khác	289.848.876	283.876.773
<b>Cộng</b>	<b>(***) 13.572.185.692</b>	<b>14.642.173.434</b>



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(**) Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay tiền từ Sở Tài chính Tp. HCM (lãi suất 0%)	251.174.497.000	251.174.497.000
- Các khoản tiền nhận từ Ủy ban Nhân dân Quận 8 để chi hộ tiền bồi thường	-	2.107.483.000
(a) - Phải trả Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng H.P.C.I	924.000.000	924.000.000
(b) - Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư Trương Đình Hội 3 từ:		
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cát Tường	11.244.000.000	6.244.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Gia	23.076.362.655	38.076.362.655
(c) - Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư Trương Đình Hội 2 từ:		
+ Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	10.294.700.000	10.294.700.000
+ Công ty CP Sông Đà 207	38.200.000.000	40.800.000.000
(d) - Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án khu nhà ở phường 5 Quận 8 từ Công ty CP Địa Ốc 6	5.200.000.000	5.200.000.000
(e) - Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư An Sinh từ:		
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Thăng Long	31.535.936.000	41.335.936.000
+ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư - XNK Hưng Đạt	10.000.000.000	-
(f) - Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư Âu Dương Lân từ:		
+ Công ty CP Đầu tư - Xây dựng - Thương mại Phan Vũ	2.200.000.000	2.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia	13.100.000.000	-
- Phải trả Ủy ban Nhân dân Quận 8 liên quan đến điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động vệ sinh công ích năm 2013 do thay đổi đơn giá tiền lương	19.572.430.982	19.572.430.982
- Phải trả khác	26.307.652	-
<b>Cộng</b>	<b>(***) 416.548.234.289</b>	<b>417.929.409.637</b>

(a) Khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 32/HĐ-HTKD ngày 01/6/2007 giữa Công ty và công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng H.P.C.I để thực hiện dự án "Khu dân cư Trương Đình Hội 3". Do những yếu tố khách quan nên H.P.C.I không thu xếp được tiền để góp vốn triển khai xây dựng dự án nên hai bên đã thống nhất thanh lý hợp đồng nêu trên theo biên bản số 32/BBTTLHĐHTKD ngày 16/12/2007. Tính đến ngày 31/12/2015, số vốn góp Công ty còn phải trả là **924.000.000 đồng**.

(b) Khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư Trương Đình Hội 3:

- Khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 01/HĐHTLD ngày 05/01/2008 giữa Công ty, công ty Cổ phần Đầu tư Vạn Phúc Gia ("Vạn Phúc Gia") và công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cát Tường ("Cát Tường") với tổng số vốn đầu tư dự án là 594.340.220.874 đồng để thực hiện dự án "Khu dân cư Trương Đình Hội 3". Theo đó, các bên thỏa thuận:

+ Công ty góp vốn bằng đất dự án trị giá 76.753.615.000 đồng và được hưởng 10.486 m2 sàn căn hộ.

+ Cát Tường góp 258.793.302.987 đồng và được hưởng 30.562,5 m2 sàn căn hộ và 2.548 m2 sàn siêu thị. Tính đến ngày 31/12/2015, Cát Tường đã góp **11.244.000.000 đồng**.

+ Vạn Phúc Gia góp 258.793.302.987 đồng và được hưởng 30.562,5 m2 sàn căn hộ và 2.548 m2 sàn siêu thị. Tính đến ngày 31/12/2015, Vạn Phúc Gia đã góp **23.076.362.655 đồng**.



# CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(c) Khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 81/HĐHTĐT ngày 28/9/2010 giữa Công ty, công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long và công ty Cổ phần Sông Đà 207 với tổng số vốn đầu tư dự án là 2.026.192.000.000 đồng để thực hiện dự án "Khu nhà tái định cư Trương Đình Hội 2, phường 16, quận 8, TP.HCM". Ba bên thỏa thuận chia lợi nhuận theo sản thương phẩm của căn hộ và khu thương mại sau khi quyết toán vốn góp thực tế. Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số tiền nhận hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long là **10.294.700.000 đồng** và từ Công ty Cổ phần Sông Đà 207 là **38.200.000.000 đồng**.

(d) Khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 51/HĐHTĐT ngày 16/7/2007 giữa Công ty và công ty CP Địa Ốc 6 (trước đây là công ty Cổ phần Địa Ốc Gò Môn) với tổng số vốn đầu tư dự án là 97.000.000.000 đồng để thực hiện dự án "Khu nhà ở tại Phường 5, quận 8, TP.HCM". Hai bên thỏa thuận chia lợi nhuận như sau: Công ty được hưởng 10% lợi nhuận ròng từ dự án, phần còn lại 90% lợi nhuận ròng sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn đầu tư thực tế. Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số tiền nhận hợp tác đầu tư từ Công ty CP Địa Ốc 6 là **5.200.000.000 đồng**.

(e) Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư An Sinh:

- Khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 18/2010/HĐHTĐT - KD ngày 01/4/2010 giữa Công ty và công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thăng Long với tổng số vốn đầu tư dự án là 984.545.000.000 đồng để thực hiện dự án "Khu chung cư cao tầng An Sinh, phường 4, quận 8, TP.HCM". Hai bên thỏa thuận chia lợi nhuận theo sản thương phẩm của căn hộ và khu thương mại sau khi quyết toán vốn góp thực tế. Tính đến ngày 31/12/2015, do những yếu tố khách quan nên công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thăng Long không thu xếp được tiền để góp vốn triển khai xây dựng dự án nên hai bên đã thống nhất không thực hiện hợp đồng hợp tác nêu trên. Tổng số tiền nhận hợp tác đầu tư từ công ty CP Đầu tư Phát triển Thăng Long, còn phải trả là **31.535.936.000 đồng**.

- Khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 16/2015/HĐHTĐT - KD ngày 28/9/2015 giữa Công ty và công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư - Xuất Nhập khẩu Hưng Đạt với tổng số vốn đầu tư dự án dự là 848.874.109.388 đồng để thực hiện dự án "Khu chung cư cao tầng An Sinh tại phường 4, quận 8, TP.HCM". Hai bên thỏa thuận phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn thực tế của 2 bên. Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số tiền nhận hợp tác đầu tư từ công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư - Xuất Nhập khẩu Hưng Đạt là **10.000.000.000 đồng**.

(f) Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh dự án chung cư Âu Dương Lân bao gồm:

- Khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 09/HĐHTĐT ngày 10/11/2010 giữa Công ty và công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ với tổng số vốn đầu tư dự án là 284.000.000.000 đồng để thực hiện dự án "Khu chung cư Cao tầng tại số 314 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, TP.HCM". Hai bên thỏa thuận chia lợi nhuận theo sản thương phẩm của căn hộ và khu thương mại sau khi quyết toán vốn góp thực tế. Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số tiền nhận hợp tác đầu tư từ Công ty CP Đầu tư Phan Vũ là **2.200.000.000 đồng**.

- Khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 01/HĐHT-ADL ngày 06/01/2015 giữa Công ty và công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia với tổng số vốn đầu tư dự án là 214.330.000.000 đồng để thực hiện dự án "Khu nhà ở xã hội 314 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, TP.HCM". Hai bên thỏa thuận chia lợi nhuận như sau: Công ty được hưởng 20% lợi nhuận trước thuế, 80% lợi nhuận còn lại phân chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của mỗi bên. Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số tiền nhận hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia là **13.100.000.000 đồng**.

(\*\*\*) Trong đó, các khoản phải trả người bán này chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ cuối năm là 81.275.796.397 đồng. Do Công ty đã gửi thư xác nhận nhưng chưa được phản hồi.

16. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	748.782.997	2.975.410.558
Chi phí phân bù giá Công trình Văn phòng	-	2.175.860.245
<b>Cộng</b>	<b>748.782.997</b>	<b>5.151.270.803</b>



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>(*) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn						
(a) 48.930.272.603	48.930.272.603	97.579.789.594	93.640.273.523	52.869.788.674	52.869.788.674	
(b) - Nợ vay dài hạn đến hạn trả	27.110.457.000	27.110.457.000			21.110.457.000	21.110.457.000
<b>Cộng</b>	<b>76.040.729.603</b>	<b>76.040.729.603</b>	<b>97.579.789.594</b>	<b>93.640.273.523</b>	<b>73.980.245.674</b>	<b>73.980.245.674</b>
<b>(**) Vay dài hạn</b>						
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM						
(b) 27.110.457.000	27.110.457.000	-	6.000.000.000	21.110.457.000	21.110.457.000	
- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân						
(c) 616.000.000	616.000.000	1.352.982.471	222.000.000	1.746.982.471	1.746.982.471	
(b) - Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(27.110.457.000)	(27.110.457.000)			(21.110.457.000)	(21.110.457.000)
<b>Cộng</b>	<b>616.000.000</b>	<b>616.000.000</b>	<b>1.352.982.471</b>	<b>6.222.000.000</b>	<b>1.746.982.471</b>	<b>1.746.982.471</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Quận 5 theo hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201400879 ngày 28/11/2014 và phụ lục hợp đồng số 6222-LAV-201400879/PLHĐ ngày 24/11/2015 với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 8%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **52.869.788.674 đồng**.

(b) Khoản vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 237/2011/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 06/12/2011 và phụ lục số 95/2013/PLHĐ-ĐTTC-TD ngày 30/9/2013 với số tiền vay là 75 tỷ đồng; mục đích vay: đầu tư xây dựng Block B1, Dự án Khu nhà ở cao tầng Trương Đình Hội 3 tại phường 16, quận 8; thời hạn vay: 36 tháng (thời gian ân hạn: 21 tháng); lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 8,53%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 28, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, tài sản hình thành từ vốn vay, và quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà số 50/2011/HDDMBN ngày 25/11/2011 giữa Công ty và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 8 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 141.738.944.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **21.110.457.000 đồng** và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

(c) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân theo hợp đồng tín dụng số 834/14/HĐTD/101-54 ngày 31/12/2014 với hạn mức tín dụng là 2 tỷ đồng; mục đích vay: thanh toán tiền đóng mới 04 xà lan trọng tải 12 tấn; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là 04 chiếc xà lan vớt rác, tài sản hình thành từ vốn vay, với tổng giá trị tài sản thế chấp là 2.848.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **1.746.982.471 đồng**.

**18. Tình hình quỹ khen thưởng phúc lợi**

- Số dư đầu năm	2.224.864.168
- Trích lập trong năm	17.121.350.752
- Giảm do chi trong năm	(5.724.488.991)
<b>- Số dư cuối năm</b>	<b>13.621.725.929</b>



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**19. Tình hình quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

- Số dư đầu năm	1.404.914.012
- Trích lập trong năm	316.371.845
- Giảm do chi trong năm	(666.272.712)
<b>- Số dư cuối năm</b>	<b>1.055.013.145</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2014	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	22.370.000.000	-	-	22.370.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.600.000.000	3.728.087.657	-	7.328.087.657
Quỹ dự phòng tài chính	3.728.087.657	-	3.728.087.657	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.518.567.336	3.581.233.252	3.581.233.252	17.518.567.336
<b>Cộng</b>	<b>47.216.654.993</b>	<b>7.309.320.909</b>	<b>7.309.320.909</b>	<b>47.216.654.993</b>

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	22.370.000.000	10.612.000.000	-	32.982.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	7.328.087.657	5.069.283.488	10.612.000.000	1.785.371.145
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	17.518.567.336	4.672.066.904	22.190.634.240	-
<b>Cộng</b>	<b>47.216.654.993</b>	<b>20.353.350.392</b>	<b>32.802.634.240</b>	<b>34.767.371.145</b>

(\*) Vốn góp chủ sở hữu tăng trong năm là do Công ty bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển số tiền là 10.612.000.000 đồng theo quyết định số 6324/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 8.

(\*\*) Lợi nhuận chưa phân phối

Lãi lũy kế đến 01/01/2015	17.518.567.336
Lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm 2015	4.672.066.904
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(5.069.283.488)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(17.121.350.752)
<b>Lãi lũy kế đến 31/12/2015</b>	<b>-</b>

**21. Nguồn kinh phí, quỹ khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí (21.1)	8.290.646.001	7.257.884.023
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (21.2)	50.113.667.123	7.022.143.646
<b>Cộng</b>	<b>58.404.313.124</b>	<b>14.280.027.669</b>

**(21.1) Biến động nguồn kinh phí**

Số dư đầu năm (01/01/2015)	7.257.884.023
+ Tăng do nhận kinh phí quản lý, duy tu và bảo dưỡng chung cư	2.113.839.364
+ Giảm do chi cho hoạt động sự nghiệp	(1.081.077.386)
<b>Số dư cuối năm (31/12/2015)</b>	<b>8.290.646.001</b>

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(21.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước	3.270.331.512	3.464.184.995
- Giá trị còn lại của nhà SXKD thuộc sở hữu nhà nước	3.008.500.971	3.472.568.070
- Giá trị còn lại của chung cư Bùi Minh Trực	38.099.054.568	-
- Giá trị còn lại chung cư Lưu Hữu Phước	5.862.230.000	-
- Điều chỉnh giảm theo biên bản kiểm tra năm 2013 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp.	(126.449.928)	(126.449.928)
- Chi phí khấu hao những năm trước	-	211.840.509
<b>Cộng</b>	<b>50.113.667.123</b>	<b>7.022.143.646</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

1. Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu xây dựng các công trình	18.669.259.732	28.489.349.612
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	113.887.135.733	101.488.786.778
- Doanh thu từ việc quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước	3.463.367.785	2.863.125.616
- Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.463.367.785)	(2.863.125.616)
<b>Cộng</b>	<b>132.556.395.465</b>	<b>129.978.136.390</b>

(\*) Trong đó, đã bao gồm doanh thu của năm 2013 là 3.884.998.391 và của năm 2014 là 1.789.036.975 đồng.

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn xây dựng các công trình	18.136.088.170	28.279.717.992
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	87.235.141.171	78.103.764.256
<b>Cộng</b>	<b>105.371.229.341</b>	<b>106.383.482.248</b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	60.554.132	85.102.898
<b>Cộng</b>	<b>60.554.132</b>	<b>85.102.898</b>

4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	4.359.708.375	4.108.770.770
<b>Cộng</b>	<b>4.359.708.375</b>	<b>4.108.770.770</b>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	10.696.535.465	8.770.051.802
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	624.064.284	1.102.937.649
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.501.521.999	1.501.521.996
- Thuế phí, lệ phí	229.464.320	4.051.891
- Trích quỹ (hoàn nhập) phát triển khoa học và công nghệ	316.371.845	516.286.365
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	109.726.200
- Chi phí tiền điện, điện thoại và tiếp khách	1.132.984.940	917.673.426
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	2.410.303.976	1.865.360.257
<b>Cộng</b>	<b>16.911.246.829</b>	<b>14.787.609.586</b>



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập do nhận hỗ trợ	-	44.324.376
- Giá trị còn lại của TSCĐ hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi chuyển sang phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	603.809.646	-
- Thu do thanh lý công cụ dụng cụ	70.684.600	14.681.819
- Thu nhập khác	26.366.463	90.000
<b>Cộng</b>	<b>700.860.709</b>	<b>59.096.195</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	508.326.000	-
- Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	80.944.545	-
- Chi phí phạt thuế	75.290.164	195.895.594
<b>Cộng</b>	<b>664.560.709</b>	<b>195.895.594</b>
<b>8. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.011.065.052	4.646.577.285
Cộng chi phí không được trừ	75.290.164	195.895.594
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.086.355.216</b>	<b>4.842.472.879</b>
Thuế suất	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.338.998.148</b>	<b>1.065.344.033</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	22.387.913.976	34.266.414.214
- Chi phí nhân công	78.150.983.718	66.264.187.982
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.031.447.878	4.381.954.731
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	28.635.659.515	23.649.414.544
<b>Cộng</b>	<b>110.818.091.111</b>	<b>128.561.971.471</b>

**VII. Những thông tin khác****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Số dư đầu năm**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm phát sinh từ những sai sót trọng yếu cần phải điều chỉnh theo biên bản quyết toán của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp. Số liệu trên Báo cáo tài chính được trình bày lại như sau:

**Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán**

	Số dư tại ngày 31/12/2014 (đã kiểm toán)	Số dư tại ngày 01/01/2015 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
- Phải thu khách hàng	7.292.759.610	7.292.759.610	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	69.702.941.587	70.345.418.587	642.477.000
- Phải thu ngắn hạn khác	96.803.187.500	96.811.977.500	8.790.000
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	62.395.012.442	62.462.784.883	67.772.441
- Hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(30.134.900.013)	(30.202.672.454)	(67.772.441)
<b>Tổng ảnh hưởng đến tài sản</b>	<b>206.059.001.126</b>	<b>206.710.268.126</b>	<b>651.267.000</b>
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.514.960.499	3.222.330.897	707.370.398 (d)
- Phải trả người lao động	43.829.488.467	21.915.023.810	(21.914.464.657) (b)
- Phải trả dài hạn khác	398.356.978.655	417.929.409.637	19.572.430.982 (a)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.989.635.392	2.224.864.168	(10.764.771.224) (c)
- Vốn góp của chủ sở hữu	22.284.609.419	22.370.000.000	85.390.581 (d)
- Quỹ đầu tư phát triển	11.754.894.145	7.328.087.657	(4.426.806.488) (c)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	17.518.567.336	17.518.567.336
- Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ	7.148.593.574	7.022.143.646	(126.449.928) (d)
<b>Tổng ảnh hưởng đến nguồn vốn</b>	<b>498.879.160.151</b>	<b>499.530.427.151</b>	<b>651.267.000</b>

**Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Năm 2013 (đã kiểm toán)	Năm 2013 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
- Doanh thu	136.188.253.166	116.615.822.184	(19.572.430.982) (a)
- Giá vốn	104.938.133.495	83.098.449.939	(21.839.683.556) (d)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.871.540.800	12.138.793.374	2.267.252.574
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.730.320.969	4.311.241.439	580.920.470 (d)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>6.141.219.831</b>	<b>7.827.551.935</b>	<b>1.686.332.104</b>

(a) Chênh lệch do điều chỉnh giảm doanh thu cung cấp dịch vụ công cộng năm 2013, hoàn trả ngân sách UBND quận 8, cho phù hợp với bảng duyệt quyết toán năm 2013 giữa Công ty và Phòng Tài chính Kế hoạch quận Tân Bình.



**CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 8**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(b) Chênh lệch khoản mục phải trả người lao động do:

- Giảm quỹ lương năm 2013 tương ứng với giảm doanh thu, hoàn trả ngân sách UBND quận 8 do đơn giá tiền lương giảm xuống 1.512.500 đồng theo biên bản quyết kiểm tra quyết toán năm 2013 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp.

(21.117.207.833)

- Giảm chi phí lương theo biên bản kiểm tra số 403/BB-CT-KTT3 ngày 31/12/2014 của Cục thuế TP. HCM phù hợp với biên bản quyết toán năm 2013 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp

(797.256.824)

**Cộng**

**(21.914.464.657)**

(c) Chênh lệch quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển là do điều chỉnh hoàn nhập lại các quỹ theo biên bản kiểm tra quyết toán năm 2013 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp.

(d) Chênh lệch do điều chỉnh theo biên bản kiểm tra quyết toán năm 2013 của Chi cục Tài chính Doanh nghiệp.

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



**Tô Thanh Thương**  
Người lập biểu



**Biện Hữu Phúc**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hoài Nam**  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 01 năm 2016

